TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bẩy

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Trần Thị T H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 00 đường L, khóm 5, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phan T H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 00 đường L, khóm 5, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Mai Trần Thị T H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan T H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình chung sống vợ chồng ông H có lời lẻ xúc phạm danh dự và có hành vi đánh đập bà. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị T H, sinh năm 2003 và Phan T Đ, sinh năm 2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Phan T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Trần Thị T H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phan T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Mai Trần Thị T H và ông Phan T H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hằng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H thường dùng lời lẻ xúc phạm danh dự nhân phẩm bà và có hành vi đánh đập bà, mâu thuẫn kéo dài, không hàn gắn được. Bà H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc nên cương quyết xin được ly hôn với ông H. Đối với ông Phan T H, Tòa án đã thông báo cho ông H biết yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông H không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Mai Trần Thị T H được ly hôn với ông Phan T H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị T H, sinh năm 2003 và Phan T Đ, sinh năm 2009. Đối với con chung tên Phan Thị T H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Phan T Đ hiện đang sống cùng với bà H, đã ổn định về cuộc sống, cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn, do đó cần giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyen đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Trần Thị T H được ly hôn với ông Phan T H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan T Đ, sinh năm 2009 cho bà Mai Trần Thị T H tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Phan T H không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc,

giáo dục con chung, không ai được cản trở. Đối với con chung tên Phan Thị T H, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Trần Thị T H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 17/5/2024 bà H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0008652 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 1; thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang